TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2024/HS-ST
Ngày 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lam

2. Bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị C**, sinh năm 1973, tại Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 157, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: làm nông; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; con ông Đặng N và bà Trần Thị L (đã chết), có chồng Võ Đức L1, sinh năm 1972, bị cáo có 04 người con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2024 (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1945; trú tại: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1946; trú tại: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 30/4/2024, Đặng Thị C (sinh năm 1973, trú tại thôn T, xã E, huyện K) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47E1-092.21 đi từ nhà theo hướng đến chợ xã P, huyện K để mua đồ ăn. Khi đi đến quán tạp hóa của ông Phạm Ngọc Đ (sinh năm 1945, trú tại thôn L, xã P) thì C dừng xe ở trước cổng rồi đi vào trong quán. Lúc này, vợ chồng ông Đ đang ăn cơm ở phía trong nhà, C gọi ông bà bán hàng nhưng lúc này ông Đ chưa đi ra, C đi vào phía trong quán tự lấy 02 gói mì tôm. Tại đây, C thấy có một cái ví da màu xám để ở trên tủ bán hàng gần chỗ để mì tôm, nghĩ trong ví có tiền, quan sát thấy không ai để ý nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp. C lấy cái ví rồi kẹp ví theo chiều dọc vào nách phía trong áo khoác chống nắng để không ai nhìn thấy rồi đi ra phía ngoài gần cửa mua thêm 5.000 đồng dưa chua. Sau đó, C trả tiền cho bà Nguyễn Thị V (sinh năm 1946, vợ của ông Đ) rồi đi ra ngoài và điều khiển xe mô tô đi về nhà theo hướng đi thôn L. Đi được khoảng 01km, đến đoạn đường vắng thấy không có người qua, C dừng xe lại bên lề đường, mở ví vừa lấy trộm của ông Đ để kiểm tra và đếm được số tiền là 6.200.000 đồng (trong đó có 2 tờ mệnh giá 500.000đ, 2 tờ mệnh giá 200.000đ và nhiều tờ mệnh giá 100.000đ, 50.000đ, 20.000đ). Sau khi lấy tiền xong, C vứt cái ví da bên lề đường, còn số tiền trộm cắp được đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: 01 chiếc ví da màu đen, kích thước (15x20)cm đã cũ, bị bong tróc da, trên ví có dòng chữ "Kaiduch", có khóa kéo bằng kim loại, tại thời điểm ngày 30/4/2024 là 0 đồng (không còn giá trị sử dụng).

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc ví da màu xám đen, kích thước (15x20)cm đã cũ, bị bong tróc da, trên ví có dòng chữ "Kaiduch", có khóa kéo bằng kim loại, 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-09221, hiệu Honda, loại Air Blade màu đen vàng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Ngọc Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSBH ngày 13/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h , i , s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị C từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả cho ông Phạm Ngọc Đ 01 chiếc

ví da màu xám đen, kích thước (15x20)cm đã cũ, bị bong tróc da, trên ví có dòng chữ "Kaiduch", có khóa kéo bằng kim loại, là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47E1-09221, hiệu Honda, loại Air Blade màu đen vàng, là phương tiện đi lại của gia đình bị cáo, mặt khác mục đích sử dụng xe của bị cáo không phải là thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải trả lại xe mô tô cho gia đình bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Phạm Ngọc Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị C khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 15 phút ngày 30/4/2024, tại quán nhà ông Phạm Ngọc Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 ví da bên trong có có số tiền 6.200.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố và kết luận bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bản thân. Bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác đều bị pháp luật hình sự trừng trị, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 6.200.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trong các trường hợp

sau đây, thị bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại, xâm phạm đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự của mình gây ra.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Đặng Thị C trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình tại ngoại từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử bị cáo chấp hành tốt nghĩa vụ của người tại ngoại. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xét không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, đề nghị hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, về bồi thường thiệt hại, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Phạm Ngọc Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho ông Phạm Ngọc Đ 01 chiếc ví da màu xám đen, kích thước (15x20)cm đã cũ, bị bong tróc da, trên ví có dòng chữ "Kaiduch", có khóa kéo bằng kim loại, là chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc giao trả là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47E1-09221, hiệu Honda, loại Air Blade màu đen vàng, là phương tiện đi lại của gia đình bị cáo, mặt khác mục đích sử dụng xe của bị cáo không phải là thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải trả lại xe mô tô biển

kiểm soát 47E1-09221 cho gia đình bị cáo là phù hợp khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Thị C** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[1] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị C **06 (Sáu) tháng tù,** cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/9/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Phạm Ngọc Đ không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về xử lý vật chứng: *Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.*

Trả lại cho ông Phạm Ngọc Đ 01 chiếc ví da màu xám đen, kích thước (15x20)cm đã cũ, bị bong tróc da, trên ví có dòng chữ "Kaiduch", có khóa kéo bằng kim loại, là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-09221, hiệu Honda, loại Air Blade màu đen vàng cho gia đình bị cáo Đặng Thị C.

[4] Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Bị cáo Đặng Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn